

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình
cải tạo, nâng cấp ĐH.65, huyện Ân Thi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.65, huyện Ân Thi;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Ân Thi tại Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 27/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.65, huyện Ân Thi với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐH.65, huyện Ân Thi.
2. Thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.65, huyện Ân Thi.
3. Chủ đầu tư: UBND huyện Ân Thi.
4. Loại, cấp công trình:
 - Loại công trình: Công trình giao thông;
 - Cấp công trình: Công trình cấp IV.
5. Địa điểm xây dựng: Huyện Ân Thi.
6. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Hà.
7. Chủ nhiệm dự án: Kỹ sư Bùi Thành Thứ.
8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu:

8.1. Quy mô: Đường cấp A (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014). Mặt đường bê tông xi măng; tải trọng trục thiết kế 6T; chiều dài tuyến thiết kế $L = 1.837\text{m}$.

8.2 Giải pháp thiết kế:

8.2.1. Bình đồ: Điểm đầu Km2+793 giao với ĐT.386 tại cầu Quán Bạc thuộc địa phận xã Văn Nhuệ, tuyến đi theo đường hiện tại qua khu ruộng canh tác và dân cư của các xã: Văn Nhuệ, Nguyễn Trãi; điểm cuối Km4+630 thuộc địa phận xã Nguyễn Trãi. Chiều dài đoạn tuyến $L = 1.837\text{m}$.

8.2.2. Trắc dọc tuyến: Cao độ thiết kế phù hợp với hiện trạng, đảm bảo chiều dày kết cấu và êm thuận trên toàn tuyến.

8.2.3. Trắc ngang tuyến:

- Chiều rộng mặt đường $B_m=5,0\text{m}$, độ dốc ngang $i=3\%$;
- Chiều rộng lề đường $B_l=1,25\text{m} \times 2\text{bên}=2,5\text{m}$, độ dốc ngang lề $i=4\%$;
- Chiều rộng nền đường $B_n=7,5\text{m}$.

8.2.4. Kết cấu mặt đường (theo thứ tự từ trên xuống dưới):

- Lớp mặt đường BTXM M250 đá 2x4, dày 22cm;
- Lớp đệm cát vàng tạo phẳng dày 5cm;
- Lớp móng cấp phối đá dăm loại 2 dày 14cm.

8.2.5. Nền đường:

- Nền đường mở rộng đắp bằng cát đầm chặt K95, lớp tiếp giáp kết cấu áo đường đắp bằng cát đầm chặt K98 dày 50cm. Lề đường và mái ta luy nền đường đắp đất đầm chặt K90, độ dốc mái ta luy nền đắp 1:1,5;

- Thiết kế đóng cọc tre, phen nửa bên trái tuyến các đoạn Km2+800-Km3+120; Km3+180-Km3+928; Km3+942-Km4+620 để gia cố mái taluy, chống xói lở và đảm bảo ổn định nền đường. Sử dụng cọc tre dài 2,5m, mật độ 3 cọc/1m dài, đường kính cọc 8-10cm.

8.2.6. Các công trình trên tuyến:

a) Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc: Thoát nước tự nhiên;
- Thoát nước ngang: Thiết kế xây dựng các công ngang đường:

+ Công C1 (Km2+850): Khẩu độ $B \times H=(2 \times 2)\text{m}$ bằng BTCT đúc sẵn lắp ghép, tải trọng HL.93. Móng công, tường đầu, tường cánh bằng BTXM đổ tại chỗ M200. Lớp đá dăm đệm móng công dày 10cm. Đóng cọc tre gia cố móng công, mật độ 25 cọc/1m², chiều dài 1 cọc 2,5m, đường kính D8-10cm;

+ Công C2 (Km3+440): Có khẩu độ $B \times H=(0,4 \times 0,4)\text{m}$; móng công, tường công, tường đầu, tường cánh bằng BTXM đổ tại chỗ M150; xà mũ bằng BTXM đổ tại chỗ M200; tấm đan nắp công bằng BTCT đúc sẵn M250 dày 15cm. Lớp đá dăm đệm móng công dày 10cm. Đóng cọc tre gia cố móng công, mật độ 25 cọc/1m², chiều dài 1 cọc 2,5m, đường kính D8-10cm;

+ Công C3 (Km3+775), C4 (Km4+173), C5 (Km4+308), C6 (Km4+423): Khẩu độ $B \times H=(1 \times 1)\text{m}$ bằng BTCT đúc sẵn lắp ghép, tải trọng HL.93. Móng công,

tường đầu, tường cánh bằng BTXM đổ tại chỗ M150. Lớp đá dăm đệm móng công dày 10cm. Đóng cọc tre gia cố móng công, mật độ 25 cọc/1m², chiều dài 1 cọc 2,5m, đường kính D8-10cm;

+ Kéo dài cống tròn D1000 nút giao với ĐT.376 tại Km3+935. Cống bằng BTCT đúc sẵn tải trọng C. Móng cống, tường đầu, tường cánh xây bằng đá hộc vữa XMCV M100. Lớp đá dăm đệm móng công dày 10cm. Đóng cọc tre gia cố móng công, mật độ 25 cọc/1m², chiều dài 1 cọc 2,5m, đường kính D8-10cm;

+ Xây tường đá hộc gia cố mái taluy các cống C1(Km2+850) chiều dài 14,7m; điểm giao với ĐT.376 tại Km3+935 chiều dài 17,5m; điểm cuối tuyến tại Km4+630, chiều dài 11,0m để đảm bảo ổn định, chống xói lở nền đường. Tường xây bằng đá hộc, vữa XMCV M100. Đóng cọc tre gia cố móng kè, mật độ 25 cọc/1m², chiều dài 1 cọc 2,5m, đường kính D8-10cm.

- Thiết kế đào trả mương bên phải tuyến đoạn Km3+320-Km4+180, chiều rộng đáy mương 1m, cao độ đáy tương đương mương cũ.

b) Hệ thống báo hiệu đường bộ: Thiết kế theo Quy chuẩn về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/BGTVT.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình : **11.500.773.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	: 8.921.984.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	: 238.136.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng	: 651.316.000 đồng
- Chi phí khác	: 643.813.000 đồng
- Chi phí dự phòng	: 1.045.524.000 đồng

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 70%; ngân sách huyện Ân Thi 30%.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2017 - 2020.

Điều 2. Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Ân Thi và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./A

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Ngọc Quỳnh